

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q1/2025

LỊCH CƠ CẤU DANH MỤC CÁC QUỸ ETF

Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5
Quỹ DCVFM VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF, MAFM VN30 ETF, KIM Growth VN30 ETF (VN30 Index)		
<ul style="list-style-type: none"> NAV: 13.135,7 tỷ VND 	<ul style="list-style-type: none"> Ngày công bố: 16/04 Ngày giao dịch: 17/04 - 03/05 Kỳ đánh giá tiếp theo: 16/07 <p>Link báo cáo kết quả danh mục</p>	
Quỹ DCVFMVN DIAMOND ETF, MAFM VNDIAMOND ETF, BVFVN DIAMOND ETF, Kim Growth DIAMOND ETF, ABFVN DIAMOND ETF (VNDiamond Index)		
<ul style="list-style-type: none"> NAV: 12.902,4 tỷ VND 	<ul style="list-style-type: none"> Ngày công bố: 14/04 Ngày giao dịch: 15/04 - 03/05 Kỳ đánh giá tiếp theo: 21/07 <p>Link báo cáo kết quả danh mục</p>	
Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF, VFM VNMIDCAP ETF, Vina Capital VN100 ETF,... (6 quỹ)		
<ul style="list-style-type: none"> NAV: 2.925,7 tỷ VND 	<ul style="list-style-type: none"> Ngày công bố: 14/04 Ngày giao dịch: 15/04 - 03/05 Kỳ đánh giá tiếp theo: 21/07 	
Quỹ Fubon FTSE Vietnam ETF (FTSE Vietnam 30 Index)		
<ul style="list-style-type: none"> NAV: 14.884,5 tỷ VND Ngày giao dịch: 21/03 Kỳ đánh giá tiếp theo: 22/09 <p>Link báo cáo kết quả danh mục</p>		
Quỹ FTSE Vietnam ETF (FTSE Vietnam Index)		
<ul style="list-style-type: none"> NAV: 6.591,4 tỷ VND Ngày công bố: 07/03 Ngày giao dịch: 08/03 - 21/03 Kỳ đánh giá tiếp theo: 06/06 <p>Ước tính: Top mua SIP, VNM, MSN, VCB</p> <p>Ước tính: Top bán VHM, VIC, HPG</p>		
Quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF (MarketVector Vietnam Local Index)		
<ul style="list-style-type: none"> NAV: 10.357,4 tỷ VND Ngày công bố: 14/03 Ngày giao dịch: 15/03 - 21/03 Kỳ đánh giá tiếp theo: 06/06 <p>Link báo cáo kết quả danh mục</p>		

Nguồn: DSC tổng hợp dựa vào dữ liệu ngày 11/03/2025

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q1/2025

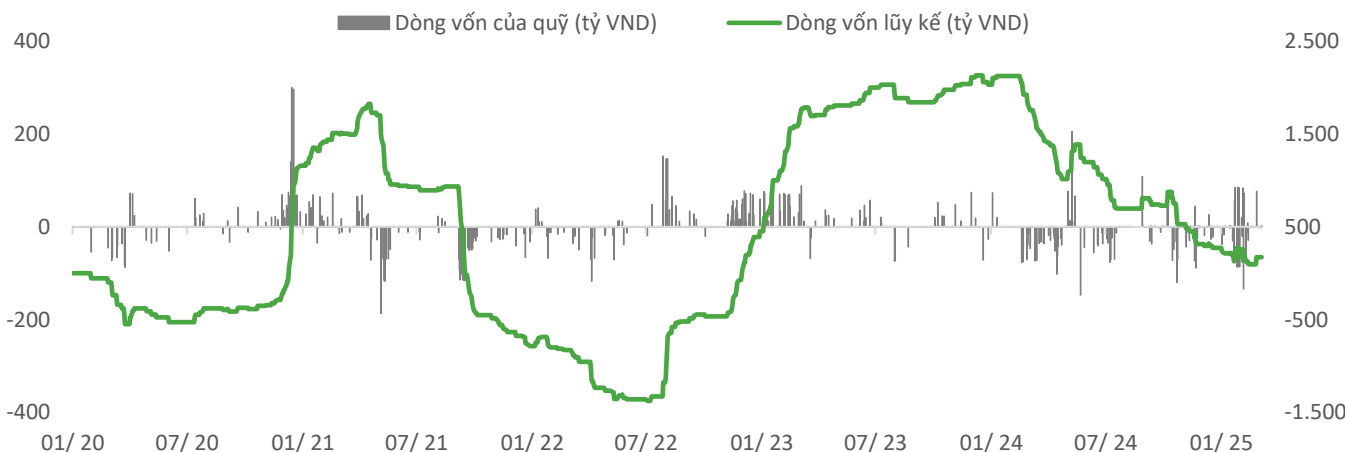
KẾT QUẢ CHI TIẾT DANH MỤC FTSE VIETNAM

- FTSE công bố danh mục cổ phiếu thành phần bộ chỉ số FTSE Vietnam All-share và FTSE Vietnam Index vào ngày 07/03/2025, hoàn thành cơ cấu vào ngày 21/03/2025 và có hiệu lực từ ngày 24/03/2025. Ngày chốt số liệu chính thức của chỉ số: 28/02/2025.
- Danh mục chỉ số thêm cổ phiếu SIP và không loại cổ phiếu nào** trong đợt review này.

TỔNG QUAN

Hiện quỹ FTSE Vietnam ETF, lấy chỉ số FTSE Vietnam làm cơ sở có tổng tài sản quản lý hơn 6,591 tỷ đồng. Từ đầu năm 2025 đến nay, tổng tài sản quỹ đã giảm 0,7% và bị rút vốn với tổng giá trị gần 98,7 tỷ đồng. Các chứng chỉ quỹ đang được giao dịch ở mức chiết khấu quanh mức 1%.

Dòng vốn ETF hàng tháng của quỹ FTSE Vietnam (tỷ VNĐ)



Nguồn: Finpro

KẾT QUẢ

Danh mục cổ phiếu thành phần FTSE Vietnam Index thêm SIP.

Dựa theo tiêu chí review FTSE Vietnam Index, SIP được thêm lần đầu vào rổ chỉ số khi đáp ứng được yếu tố cuối về thanh khoản (GTGD bình quân 3 tháng cao hơn 40% GTGD bình quân 3 tháng của chỉ số).

Danh mục mới bao gồm 32 cổ phiếu với tỷ trọng tập trung các nhóm ngành: bất động sản (~30%); chứng khoán (~15%) và ngân hàng (~13%).

Hoạt động đáng chú ý của quỹ ETF theo chỉ số FTSE Vietnam Index

Với thay đổi trên, DSC ước tính quỹ ETF sẽ mua mới: SIP (5.2 triệu cp). Đồng thời để tái cơ cấu danh mục, quỹ có thể mua thêm lượng lớn cổ phiếu VNM (943,8 nghìn cp), POW (933,3 nghìn cp), MSN (508,1 nghìn cp) và bán mạnh VHM (3,3 triệu cp), VIC (1,3 triệu cp).

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q1/2025

KẾT QUẢ CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CHỈ SỐ FTSE Q1/2025

STT	Mã	Giá	Số lượng CP lưu hành	Tỷ lệ free-float	Vốn hóa (đồng)	Tỷ trọng mới
1	HPG	28.000	6.396.250.200	55%	179.095.005.600.000	13,77%
2	VCB	93.300	5.589.091.262	11%	521.462.214.744.600	9,00%
3	VNM	62.200	2.089.955.445	40%	129.995.228.679.000	8,16%
4	MSN	67.700	1.438.351.617	55%	97.376.404.470.900	7,48%
5	VIC	41.200	3.823.661.561	30%	157.534.856.313.200	7,41%
6	VHM	41.200	4.107.412.004	25%	169.225.374.564.800	6,64%
7	SSI	26.300	1.961.872.450	70%	51.597.245.435.000	5,67%
8	DGC	111.500	379.778.413	60%	42.345.293.049.500	3,25%
9	KDH	33.500	1.011.142.565	55%	33.873.275.927.500	2,66%
10	VIX	11.450	1.458.513.173	95%	16.699.975.830.850	2,49%
11	VCI	36.450	718.099.480	60%	26.174.726.046.000	2,46%
12	VJC	96.000	541.611.334	55%	51.994.688.064.000	2,45%
13	VRE	17.400	2.272.318.410	40%	39.538.340.334.000	2,48%
14	VND	13.600	1.522.299.908	75%	20.703.278.748.800	2,44%
15	FRT	183.000	136.242.389	55%	24.932.357.187.000	1,92%
16	SHB	10.000	4.065.277.715	85%	40.652.777.150.000	1,91%
17	EIB	21.300	1.862.720.607	85%	39.675.948.929.100	1,87%
18	KBC	29.700	767.604.759	70%	22.797.861.342.300	1,75%
19	GEX	22.750	859.429.793	75%	19.552.027.790.750	1,53%
20	VPI	59.500	320.049.577	50%	19.042.949.831.500	1,46%
21	PDR	19.900	873.140.083	50%	17.375.487.651.700	1,36%
22	SIP	91.000	210.533.403	45%	19.158.539.673.000	1,35%
23	FTS	47.300	305.919.366	55%	14.469.986.011.800	1,25%
24	VTP	153.900	121.783.042	40%	18.742.410.163.800	1,18%
25	POW	12.250	2.341.871.600	25%	28.687.927.100.000	1,13%
26	DXG	16.300	870.849.983	85%	14.194.854.722.900	1,11%
27	PVD	24.750	555.880.006	50%	13.758.030.148.500	1,06%
28	DPM	36.700	391.334.260	45%	14.361.967.342.000	1,01%
29	VCG	21.350	598.593.458	55%	12.779.970.328.300	0,98%
30	TCH	17.500	668.215.843	55%	11.693.777.252.500	0,94%
31	DIG	19.900	609.851.995	80%	12.136.054.700.500	0,93%
32	HSG	19.050	620.982.309	85%	11.829.712.986.450	0,91%
Tổng						100,0%

Nguồn: DSC ước tính

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q1/2025

ƯỚC TÍNH SỐ LƯỢNG MUA/BÁN CỔ PHIẾU CỦA QUỸ FTSE VIETNAM ETF Q1/2025

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Tổng SLCP mua/bán	Tổng giá trị giao dịch (đồng)	Số phiên GD tương ứng (SLCP / KLGDTB 1 năm)
1	SIP	1,4%	979.556	89.139.619.651	2,61
2	VNM	8,2%	960.682	59.754.443.522	0,29
3	MSN	7,5%	452.351	30.624.165.457	0,10
4	VCB	9,0%	302.207	28.195.893.657	0,21
5	SSI	5,7%	815.961	21.459.785.638	0,06
6	VCI	2,5%	331.831	12.095.239.569	0,06
7	POW	1,1%	1.049.324	12.854.215.332	0,16
8	VCG	1,0%	346.711	7.402.285.820	0,08
9	VPI	1,5%	114.869	6.834.717.737	0,09
10	VND	2,4%	269.845	3.669.887.046	0,02
11	HSG	0,9%	(71.750)	(1.366.844.279)	(0,01)
12	TCH	0,9%	(92.275)	(1.614.815.324)	(0,01)
13	DIG	0,9%	(90.062)	(1.792.235.460)	(0,01)
14	KBC	1,8%	(105.852)	(3.143.814.044)	(0,02)
15	SHB	1,9%	(309.336)	(3.093.353.644)	(0,02)
16	FRT	1,9%	(19.318)	(3.535.143.096)	(0,04)
17	GEX	1,5%	(76.806)	(1.747.335.736)	(0,01)
18	PVD	1,1%	(86.610)	(2.143.600.581)	(0,02)
19	VJC	2,4%	(43.389)	(4.165.355.923)	(0,06)
20	FTS	1,2%	(85.856)	(4.060.983.466)	(0,05)
21	PDR	1,4%	(123.276)	(2.453.195.968)	(0,02)
22	DXG	1,1%	(107.886)	(1.758.537.900)	(0,01)
23	VTP	1,2%	(1.716)	(264.115.346)	(0,00)
24	KDH	2,7%	(144.175)	(4.829.871.732)	(0,06)
25	VRE	2,5%	(186.248)	(3.240.707.743)	(0,03)
26	EIB	1,9%	(169.475)	(3.609.822.186)	(0,03)
27	VIX	2,5%	(641.172)	(7.341.413.077)	(0,03)
28	DPM	1,0%	(208.725)	(7.660.191.647)	(0,09)
29	DGC	3,3%	(50.383)	(5.617.723.160)	(0,03)
30	HPG	13,8%	(881.085)	(24.670.363.692)	(0,05)
31	VIC	7,4%	(1.194.454)	(49.211.500.160)	(0,55)
32	VHM	6,6%	(3.269.644)	(134.709.312.265)	(0,40)
Tổng		100,0%			

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q1/2025

PHỤ LỤC

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ FTSE VIETNAM INDEX

Tiêu chí	Cổ phiếu thuộc bộ chỉ số	Cổ phiếu không thuộc bộ chỉ số
Vốn hóa	Top 88% cổ phiếu đợt xem xét	Top 92% cổ phiếu đợt xem xét
Thanh khoản	Ít nhất 20% GTGD bình quân FTSE VN Index 3 tháng gần nhất	Ít nhất 40% GTGD bình quân FTSE VN Index 3 tháng gần nhất
Tỷ lệ free float	> 5% và <=15% ; Vốn hoá >= 25,000 tỷ đồng	> 5% và <=15% ; Vốn hoá >= 45,000 tỷ đồng
Room ngoại còn lại	>= 2%	>= 10%
Kỳ review	Theo quý	
Kỳ cơ cấu	Nửa năm (tháng 3, tháng 9)	

Nguồn: LSEG, DSC tổng hợp

Kết quả review chỉ số FTSE Vietnam Q1/2025

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán DSC và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Liên hệ - Trung tâm phân tích DSC

Trương Thái Đạt,

GD. Trung tâm Phân tích
dat.tt@dsc.com.vn

Trần Thanh Vân

Chuyên viên Phân tích
van.tt@dsc.com.vn

HỘI SỞ CHÍNH

📍 Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

☎ (024) 3880 3456

✉ info@dsc.com.vn